

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích;
2. Ông Lê Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 46/8, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Thiện E, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 8/13, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

(Bà Lê Thị Hồng L có đơn xin vắng mặt; ông Lê Văn Thiện E vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn Thiện E tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 07/12/2015. Hôn nhân lần thứ hai của bà và ông Lê Văn Thiện E. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do mâu thuẫn về kinh tế; ông Lê Văn Thiện E thường xuyên uống rượu và không quan tâm đến vợ con. Ông bà đã chính thức ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay, bà xác định tình cảm của bà dành cho ông Lê Văn Thiện E không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Thiện E.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 01 (Một) con chung tên Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 19/8/2015. Cháu Lê Ngọc Bảo A hiện nay đang sinh sống cùng bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông Lê Văn Thiện E cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hồng L trình bày không có.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Lê Văn Thiện E vẫn vắng mặt; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

- Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2019 với lý do bận công việc.

- Bị đơn ông Lê Văn Thiện E vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 và Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Hồng L đối với ông Lê Văn Thiện E.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 19/8/2015 cho bà Lê Thị Hồng L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để ổn định về cuộc sống của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Lê Thị Hồng L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hồng L trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Thiện E. Ông Lê Văn Thiện E có hộ khẩu thường trú tại thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý, giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Lê Thị Hồng L có đơn đề ngày 22/5/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà do bận công việc.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Lê Văn Thiện E theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Lê Văn Thiện E không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L. Đồng thời, Tòa án tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Lê Văn Thiện E và được Công an phường M, thành phố L, tỉnh A cung cấp thông tin: Ông Lê Văn Thiện E có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 8/13, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Hồng L và ông Lê Văn Thiện E.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng L và ông Lê Văn Thiện E

tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145, ngày 07/12/2015 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chứng cứ bà Lê Thị Hồng L đưa ra để yêu cầu ly hôn ông Lê Văn Thiện E là do ông Lê Văn Thiện E không có nghề nghiệp ổn định, không chăm lo làm ăn và thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Mặc dù những mâu thuẫn trên đã được cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng bà xác định đời sống chung giữa bà và ông Lê Văn Thiện E không hạnh phúc, tình cảm của bà dành cho ông Lê Văn Thiện E không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Thiện E.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Lê Văn Thiện E vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L. Đồng thời, ông Lê Văn Thiện E cũng không thực hiện việc cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi hòa giải theo thông báo của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông Lê Văn Thiện E không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm gia đình với bà Lê Thị Hồng L, phù hợp với lời trình bày của bà Lê Thị Hồng L trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A thể hiện: Bà Lê Thị Hồng L và ông Lê Văn Thiện E là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 07/12/2015. Trong quá trình sống chung, ông bà có con chung tên Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 19/8/2015. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn địa phương không nắm.

Thấy rằng, thực tế hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng L và ông Lê Văn Thiện E đã không còn tồn tại. Ông bà không còn sống chung và đã ly thân từ

tháng 10 năm 2017 đến nay. Đồng thời, ông bà cũng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Mặt khác, về phía bà Lê Thị Hồng L mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tạo điều kiện hòa giải với ông Lê Văn Thiện E nhưng bà Lê Thị Hồng L vẫn kiên quyết ly hôn với ông Lê Văn Thiện E. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của bà Lê Thị Hồng L và ông Lê Văn Thiện E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L được ly hôn ông Lê Văn Thiện E.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 01 (Một) con chung tên Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 19/8/2015. Bà Lê Thị Hồng L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Lê Văn Thiện E cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Hồng L trình bày, sau khi vợ chồng sống ly thân thì con chung đang sinh sống ổn định cùng bà tại địa chỉ số 8/13, khóm Thanh An, phường Mi, thành phố L, tỉnh A.

Thấy rằng, từ khi bà Lê Thị Hồng L và ông Lê Văn Thiện E ly thân đến nay, con chung đang sinh sống ổn định cùng mẹ là bà Lê Thị Hồng L; xét thấy, cần thiết ổn định về nơi ở, điều kiện học tập và để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 19/8/2015 cho bà Lê Thị Hồng L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Lê Thị Hồng L không yêu cầu ông Lê Văn Thiện E cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hồng L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn Thiện E không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 232; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L và bị đơn ông Lê Văn Thiện E.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L. Bà Lê Thị Hồng L được ly hôn ông Lê Văn Thiện E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 145, ngày 07/12/2015 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A cấp mang tên Lê Thị Hồng L và Lê Văn Thiện E không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 19/8/2015 cho bà Lê Thị Hồng L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Văn Thiện E không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Lê Thị Hồng L không yêu cầu.

Bà Lê Thị Hồng L cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Lê Văn Thiện E được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Lê Thị Hồng L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình; nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002783, ngày 13/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Lê Thị Hồng L đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Lê Văn Thiện E không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, bà Lê Thị Hồng L và ông Lê Văn Thiện

E có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND. TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thu